TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 132/2023/DS-PT Ngày 15/9/2023 V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn.

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2022/TLPT-DS ngày 10/8/2023 về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2023/QĐ-PT ngày 18/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 197/2023/QĐ-PT ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V. Địa chỉ trụ sở: 198 đường T, phường L, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quang D, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Hoàng V, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V - Chi nhánh Đ, theo Giấy ủy quyền số: 376/UQ-VCB-PC ngày 01/8/2022 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V. Ông Lý Hoàng V ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn M. Sinh năm 1985. Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng bán lẻ. Địa chỉ: 140-142 đường L, phường H I, quận H, thành phố Đ theo Giấy ủy quyền số: 924/UQ-ĐAN-HCNS ngày 01/8/2022. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị Mộng K. Sinh năm: 1968, Địa chỉ: Tổ 34A Đông Hải, phường H, quận N, thành phố Đ. Địa chỉ liên lạc: 112A đường H, quận N, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H. Sinh năm: 1964. Địa chỉ: Tổ 34A Đông Hải, phường H, quận N, thành phố Đ. Địa chỉ liên lạc: 112A đường H, quận N, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị Mộng K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V do ông Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V và bà Hoàng Thị Mộng K đã ký Hợp đồng tín dụng vay vốn gồm 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: Hợp đồng 1: Hợp đồng tín dụng số: 339/2014/VCB -TN ngày 06/5/2014 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 ngày 06/5/2014. Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay 120 tháng; mục đích tiêu dùng và các bên còn có thỏa thuận khác về lãi, thời hạn, mức tính lãi suất, theo đó đã giải ngân theo Khế ước nhận nợ . Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà K đã trả một phần gốc và lãi, tính đến nay 28/6/2023 còn nợ gốc: 29.450.000 đồng và lãi: 7.542.266 đồng (Trong đó lãi trong hạn tính từ 28/6/2021 đến 28/6/2023 đồng là 6.391.795 đồng; lãi quá hạn từ ngày 5/7/2021 đến 28/6/2023 là 1.150.471 đồng). Hợp đồng 2: Hợp đồng tín dụng số:158/2016/VCB- BL ngày 08/3/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01 và 02 ngày 08/3/2016. Số tiền vay: 150.000.000 đồng; Thời hạn vay vốn 120 tháng, mục đích vay: vay tiêu dùng; Lãi suất vay theo thỏa thuận Hợp đồng ký kết. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền: 150.000.000 đồng. Trong quá trình vay tính đến nay 28/6/2023 còn nợ gốc: 101.010.000 đồng và lãi: 23.156.734 đồng (Trong đó lãi trong hạn tính từ 28/6/2021 đến 28/6/2023 đồng là 21.923.099 đồng; lãi quá hạn từ ngày 5/7/2021 đến 28/6/2023 là 1.233.635 đồng). Tổng cộng gốc và lãi của 02 Hợp đồng là: 161.159.000 đồng. Tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (Thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 05-02 địa chỉ tại: Số 112A đường Huyền Trần Công Chúa, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng do bà Hoàng Thị Mộng K và ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 52006 ngày 07/02/2002. Việc thế chấp được được Phòng Công chứng Phạm Thị Thu Thủy công chứng ngày 27/11/2013. Nay Ngân hàng yêu cầu buộc bà Hoàng Thị Mộng K thanh toán tổng gốc và lãi của 02 khoản nợ là: 161.159.000 đồng và yêu cầu bà K tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và đề nghị tuyên xử lý tài sản thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

- *Bị đơn là bà Hoàng Thị Mộng K trình bày:* Bà thừa nhận có ký các Hợp đồng vay và tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay nêu trên như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên đối với Hợp đồng tín dụng số: 158/2016/VCB -BL ngày 08/3/2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 và 02 ngày 08/3/2016 thì bà chưa thỏa mãn ở phần giải ngân tiền bà nhớ mới chỉ nhận được 100.000.000 đồng. Do vậy, bà đề nghị cho bà thời gian tiếp theo để bà kiểm tra cùng Ngân hàng về số tiền 50.000.000 đồng này bà đã ký nhận hay chưa để làm cơ sở giải quyết tiếp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H* là chồng bà Hoàng Thị Mộng K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có ý kiến thể hiện hồ sơ.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V đối với bà Hoàng Thị Mộng K.

Xử: Tuyên buộc bà Hoàng Thị Mộng K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V gồm:

- Hợp đồng tín dụng số: 339/2014/VCB -TN ngày 06/5/2014 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 ngày 06/5/2014; nợ gốc là: 29.450.000 đồng và lãi tính đến ngày 28/6/2023 là: 7.542.266 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 158/2016 /VCB- BL ngày 08/3/2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 ngày 9/3/2016; Hợp đồng Phụ lục số: 02 ngày 03/6/2016; nợ gốc là: 101.010.000 đồng và lãi tính đến ngày 28/6/2023 là: 23.156.734 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của 02 Hợp đồng là: 161.159.000 đồng.

Trong trường hợp bà K không trả thì Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 05-02; địa chỉ tại: Số 112A đường Huyền Trần Công Chúa, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 52006 ngày 7/02/2002 đứng tên bà Bà Hoàng Thị Mộng K và ông Nguyễn Văn H được xử lý theo điều 299 và 303 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày 29/6/ 2023, bà Kcòn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V được chấp nhận nên bị đơn bà K phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền phải chịu là 8.057.950 đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V tự nguyện chịu. (Đã nộp và chi xong). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V số tiền tạm ứng án phí 3.538.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001402 ngày 20 tháng 10 năm 2022.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/7/2023, bà Hoàng Thị Mộng K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm vì bà cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bà có đơn kiến nghị đề nghị Thẩm phán yêu cầu nhân viên Ngân hàng đã chi tiền trong ngày 09/3/2016 đến Tòa án để gặp bà, bà sẽ khuyên họ phải thành thật vì ngày 09/3/2016, bà chỉ nhận 50.000.000 đồng chứ không phải 100.000.000 đồng theo chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp nhưng không được Chánh án và Thẩm phán chấp nhận. Đối với số lãi quá hạn bà đã có đơn trình bày đề nghị được trả dần hàng tháng; tổng số nợ gốc và lãi của bà đối với Ngân hàng chưa đến 200.000.000 đồng, trong khi tài sản thế chấp của bà là nhà đất trên đường Huyền Trân Công Chúa có giá trị 5.000.000.000 đồng nhưng Ngân hàng đi khởi kiện yêu cầu thu hồi tài sản của bà để trả nợ, điều này sẽ làm bà mất đi nơi ở, nơi sinh sống. Với hai lý do nêu trên bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phải hủy Bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị Mộng K thì thấy:

[1.1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V – Chi nhánh Đà Nẵng và bà Hoàng Thị Mộng K ký Hợp đồng tín dụng số: 339/2014/VCB-TN ngày 06/5/2014; Phụ lục Hợp đồng số: 01 ngày 06/5/2014 và Hợp đồng tín dụng số: 158/2016/VCB- BL ngày 08/3/2016; Phụ lục hợp đồng số: 01 và 02 cùng ngày 08/3/2016, đều dựa trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã ký kết nói trên.

[1.2] Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Hoàng Thị Mộng K đã không thực hiện việc trả nợ là vi phạm các điều khoản về thời hạn thanh toán được các bên thỏa thuận Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Hoàng Thị Mộng K phải thanh toán cho 02 khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số: 339/2014/VCB-TN ngày 06/5/2014 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 ngày 06/5/2014 và Hợp đồng tín dụng số: 158/2016/VCB- BL ngày 08/3/2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 và 02 cùng ngày 08/3/2016. Tổng số tiền nợ gốc của 02 Hợp đồng là 130.460.000 đồng và lãi trong hạn và quá hạn nêu trên của 02 Hợp đồng tính đến ngày 28/6/2023 là 30.699.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của 02 Hợp đồng phải trả là: 161.159.000 đồng và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Kcho rằng Hợp đồng tín dụng số: 158/2016/VCB - BL ngày 08/3/2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01và 02 cùng ngày 08/3/2016, bà chưa thỏa mãn ở phần giải ngân tiền, cụ thể: ngày 09/3/2016, bà Kchỉ thực hiện số tiền 50.000.000 đồng, không phải là 100.000.000 đồng như Ngân hàng khởi kiện.

[1.4] Xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng số 158 ngày 08/3/2016, Ngân hàng cho bà K vay số tiền 150.000.000 đồng. Tại giấy nhận nợ ngày 03/6/2016, bà K được Ngân hàng giải ngân 50.000.000 đồng và cho nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng bằng tiền mặt. Giấy nhận nợ và giấy lĩnh tiền mặt cùng ngày 03/6/2023 có chữ ký xác nhận của bà K. Tại giấy nhận nợ ngày 09/3/2016, bà K được Ngân hàng giải ngân 100.000.000 đồng và cho nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng bằng tiền mặt. Giấy nhận nợ và giấy lĩnh tiền mặt cùng ngày 09/3/2023 có chữ ký xác nhận của bà K. Như vậy bà K đã nhận nợ tổng số tiền 150.000.000 theo Hợp đồng tín dụng số: 158/2016/VCB - BL ngày 08/3/2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 và 02 cùng ngày 08/3/2016. Do vậy, bà K cho rằng bà chỉ nhận được số tiền 50.000.000 đồng trong tổng số 150.000.000 đồng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, việc triệu tập nhân viên chi tiền ngày 09/3/2016 đến Tòa án để gặp bà K là quyền của Thẩm phán khi thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án, nên kháng cáo của bà Kkhông được Tòa chấp nhận không phải là vi phạm thủ tục tố tụng.

[1.5] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với khoản vay 250.000.000 đồng tại 02 Hợp đồng tín dụng số: 339/2014/VCB-TN ngày 06/5/2014 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 ngày 06/5/2014 và Hợp đồng tín dụng số: 158/2016/VCB- BL ngày 08/3/2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 và 02 cùng ngày 08/3/2016. Bà Kvà chồng là ông Nguyễn Văn Hđã thế chấp nhà đất có địa chỉ tại:

Số112A đường Huyền Trần Công Chúa, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng do Bà Hoàng Thị Mộng K và ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 52006 ngày 07/02/2002, được Phòng Công chứng Phạm Thị Thu Thủy công chứng ngày 27/11/2013 là đảm bảo về thủ tục theo quy định của pháp luật. Do bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 2, Điều 5 tại 02 Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng về việc có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo điều 4 của Hợp đồng thế chấp giữa hai bên được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Do đó, bà K kháng cáo cho rằng quyết định của Bản án sơ thẩm cho phép Ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo sẽ làm mất đi nơi ở của bà là không có căn cứ. Từ đó cho thấy, cấp sơ thẩm không vi phạm về thủ tục tố tụng nên không có căn cứ hủy Bản án sơ thẩm.

[2] Đối với Hợp đồng tín dụng số: 158/2016 /VCB- BL ngày 08/3/2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 và 02 cùng ngày 08/3/2016 nhưng cấp sơ thẩm tuyên không chính xác thời gian của 02 Hợp đồng Phụ lục nên HĐXX điều chỉnh lại cho phù hợp.

[3] Chi phí tố tụng: 3.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V tự nguyện chịu. (Đã nộp và chi xong).

[4] Về án phí DSST: Bà Hoàng Thị Mộng K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Hoàng Thị Mộng K phải chịu án phí DSPT.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị Mộng K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Mộng K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V đối với bà Hoàng Thị Mộng K về việc *''Tranh chấp Hợp đồng tín dụng''*.

Xử: Buộc bà Hoàng Thị Mộng K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V gồm: Nợ gốc là: 29.450.000 đồng và lãi tính đến ngày 28/6/2023 là: 7.542.266 đồng. (Đối với Hợp đồng tín dụng số: 339/2014/VCB - TN ngày 06/5/2014 và Phụ lục Hợp đồng số: 01 ngày 06/5/2014). Nợ gốc là: 101.010.000 đồng và lãi tính đến ngày 28/6/2023 là: 23.156.734 đồng. (Đối với Hợp đồng tín dụng số: 158/2016 /VCB- BL ngày 08/3/2016 và Hợp đồng Phụ lục số: 01 và 02 cùng ngày 08/3/2016). Tổng cộng gốc và lãi của 02 Hợp đồng là: 161.159.000 đồng. *(Một trăm sáu mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín ngàn đồng)*.

Kể từ ngày 29/6/ 2023 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trong trường hợp bà Hoàng Thị Mộng K không trả được nợ vay thì phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 05-02; địa chỉ tại: Số 112A đường Huyền Trần Công Chúa, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 52006 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/02/2002 đứng tên ông Ngô Văn Quang và ngày 01/4/2005, Phòng Tài nguyên và môi trường quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xác nhận chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị Mộng K sở hữu.

2.2. Án phí DSST: Bà Hoàng Thị Mộng K phải chịu: 8.057.950 đồng. *(Tám triệu không trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi đồng).* Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.538.000 đồng *(Ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0001402 ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

2.3. Chi phí tố tụng: 3.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V tự nguyện chịu. (Đã nộp và chi xong).

2.4. Án phí DSPT: Bà Hoàng Thị Mộng K phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009750 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé